TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 28/01/2022
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Hiếu

Bà Nguyễn Thị Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2021 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Bích N**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Trương Văn T**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Hoàng Thị Bích N trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh T quen biết nhau khoảng 3 năm, đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Xuân Thạnh, huyện Long Khánh

(huyện Thống Nhất), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 29/12/1999.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu sống hạnh phúc. Sau đó khoảng 3 năm gần đây, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chung thủy, có qua lại tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đôi khi còn xảy ra xô sát. Hiện nay tuy sống chung một nhà nhưng không nói chuyện và cũng không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Hai vợ chồng có ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được vấn đề gì và cũng không có khả năng đoàn tụ được. Khoảng tháng 5 năm 2021, chị N có nộp đơn đến Tòa án để giải quyết ly hôn, tuy nhiên sau đó chị N đã rút đơn lại do anh T hứa là sẽ thay đổi, quan tâm đến chị N. Nhưng đến nay, anh T vẫn không thay đổi, không hề quan tâm hay hỏi han gì đến chị N. Vừa qua, chị N phải đi mổ phổi tại Bệnh viện, trong khi đó anh T cũng không quan tâm đến. Nay chị N đã khỏi bệnh và làm đơn khởi kiện lại tại Tòa án vì chị N nghĩ rằng anh T và chị N không thể hàn gắn lại được nữa.

Tuy chị N và anh T sống chung nhà nhưng chị N và anh T đều ở một phòng riêng biệt đã từ lâu. Chị N và anh T đều làm công nhân (khác công ty) và thường xuyên tăng ca nên khi về đến nhà đã 9 giờ tối nên không ai tiếp xúc với ai, không ai nói chuyện với ai cả. Qua sự việc anh T ngoại tình thì chị N không còn niềm tin vào anh T và chị N cũng không còn tình cảm gì với anh T nữa. Việc anh T còn ở lại trong căn nhà này là do khi chung sống, chị N và anh T đã góp tiền mua đất và góp tiền xây nhà trên nên anh T cũng đồng ý là sau khi ly hôn thì anh T sẽ lấy một nửa giá trị căn nhà và đất trên.

Hiện nay mâu thuẫn của vợ chồng chị N đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống cùng với anh T được nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn T. Do bận công việc nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết sớm cho chị N.

- *Về con chung:* Vợ chồng tôi chung sống không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Hai vợ chồng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị T1 trình bày:**

Về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T là do anh T không chung thủy, không quan tâm đến chị N. Vừa qua do ảnh hưởng của dịch covid, hai vợ chồng không đi làm được, không có tiền, nợ Ngân hàng nên mâu thuẫn càng trầm trọng. Mặc dù sống chung nhà nhưng hai vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Do vậy, khả năng đoàn tụ là không có nên đề nghị Tòa án cho hai anh chị được ly hôn.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Bích N được ly hôn với anh Trương Văn T.

+ Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Trương Văn T cư trú tại tổ 03, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"Ly hôn"*.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều vắng mặt nhưng nguyên đơn và người làm chứng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Trương Văn T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Xuân Thạnh, huyện Long Khánh (huyện Thống Nhất), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 29/12/1999 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T nhận thấy: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh khoảng từ năm 2019, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau dẫn đến cãi nhau và anh T sống không quan tâm đến chị N. Hai vợ chồng chị N và anh T tuy sống chung nhà nhưng không trò chuyện, quan tâm và hỏi han đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau, không còn quan tâm và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình là có căn cứ phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Theo biên bản xác minh ngày 03/12/2021, ông Trần H (tổ trưởng tổ 03, khu phố T, thị trấn D) cho biết: *" ... anh T sống không chung thủy với chị N. Mặc dù sống chung nhà nhưng hai vợ chồng ít quan tâm đến nhau ..."*.

Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ. Hôn nhân của chị N và anh T được xác lập theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, vì vậy căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 40 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 cho chị N và anh T được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị N và anh T chung sống không có con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị Bích N và anh Trương Văn T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Hoàng Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 40 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Bích N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Bích N và anh Trương Văn T được ly hôn.

2. *Về con chung:* Vợ chồng chị N và anh T chung sống không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Hoàng Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003339 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND H.TN;*
- *Chi cục THADS H.TN;*
- *UBND xã Xuân Thạnh (48/1999);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Châu Ngọc Hà